

Bản án số: 120/2017/HSST

Ngày: 28/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Hiếu

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Tổng Thị Kim Điền.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thúy -
Cán bộ TAND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:* Bà Lại Thị Hải - Kiểm sát viên

Ngày 28/7/2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 126/2017/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Thị Thu H, sinh năm 1990 tại tỉnh Long An; giới tính: Nữ; trú tại: 364B đường B, phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn H, sinh năm 1970 và con bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1972; tiền án: Bản án số 29/2017/HSST ngày 04/4/2017, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/12/2016 (Có mặt).

Nguyên đơn dân sự:

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Tú H; địa chỉ trụ sở chính: 56A đường C, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; trú tại: 170 đường V, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 458/4A đường P, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1997; trú tại: ấp D, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: số 440/4A đường P, Khu phố H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Thị Thu H bị Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 26/9/2016, Trần Thị Thu H đến Khách sạn H (số 458/4A Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) thuê phòng 104. Khoảng 03 giờ 28/9/2016, H đi từ bên ngoài vào khách sạn thì thấy chiếc xe gắn máy biển số 66B1-319.43 của Ông Nguyễn Thế D (khách thuê phòng 103 Khách sạn H) để trong nhà xe khách sạn, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa. H nảy sinh ý định trộm cắp xe của Ông D nên lấy chìa khóa xe giấu vào túi rồi lên phòng 104 nghỉ.

Khoảng 09 giờ sáng ngày 28/9/2016, H đi xuống nhà xe khách sạn, thấy xe gắn máy biển số 66B1-319.43 vẫn để chỗ cũ. Lợi dụng lúc bà Nguyễn Thị H (quản lý khách sạn) rời khỏi quầy lễ tân, không có người trông coi, H lên vào nhà xe, dùng chìa khóa xe trộm trước đó cắm vào ổ khóa, dắt xe ra ngoài định nổ máy xe tẩu thoát. Lúc này bà H đi ra, chặn H lại hỏi lấy xe của ai, H nói mượn xe của bạn nên bà H để cho H đi.

Chiếm đoạt được xe gắn máy biển số 66B1-319.43, H chạy đến điểm chơi game bắn cá C7 đường L, phường P, Quận B. Sau khi chơi game thua hết tiền, H cầm chiếc xe gắn máy biển số 66B1-319.43 cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) được 3.000.000 đồng và tiếp tục chơi Game bắn cá. Sau đó bỏ về thuê khách sạn tại Nhà Bè để ở.

Đến 10 giờ ngày 28/9/2016, Ông Nguyễn Thế D xuống trả phòng khách sạn, thì phát hiện bị mất xe nên đã đến công an phường Bình Thuận trình báo. Tiến hành truy xét, Cơ quan Công an đã mời Trần Thị Thu H về làm việc.

Theo kết luận định giá tài sản số 296/KL-HĐĐGTTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 7 ngày 27/11/2016 kết luận như sau: Chiếc xe máy hiệu Wave màu xanh-đen- bạc biển số 66B1-319.43 tính đến thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là: 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng.

Tại bản Cáo trạng số 127/CTr - VKS ngày 30/5/2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng

Khoản 1 Điều 138; điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù.

Bị cáo khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng được tóm tắt ở trên, không tự bào chữa, không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 296/KL-HĐĐGTTHS ngày 27/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 7, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ, xét đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 26/9/2016, bằng thủ đoạn lén lút, lợi dụng sự sơ hở và thiếu cảnh giác của chủ tài sản và người quản lý tài sản, bị cáo đã chiếm đoạt 01 (một) xe gắn máy Wave màu xanh-đen- bạc biển số 66B1-319.43 có trị giá tại thời điểm bị xâm phạm là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng. Hành vi này của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố là đúng người, đúng tội.

Căn cứ Bản án số 29/2017/HSST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và Quyết định thi hành hình phạt tù theo quyết định số 99/2017/QĐ-CA ngày 08/5/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn. Do vậy lần xét xử này phải tổng hợp hình phạt của hai bản án để tuyên cho bị cáo được quy định Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xuất phát từ động cơ tham lam tư lợi, để có tiền tiêu xài, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi này là rất nghiêm trọng vì đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản sở hữu hợp pháp của công dân. Vì vậy, cần xét xử bằng mức án nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Song xét vì: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ông Nguyễn Thế D yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết hồ sơ vụ án ông D đã thỏa thuận với bà Nguyễn Thị H (là người quản lý khách sạn H) chỉ yêu cầu số tiền bồi thường

6.000.000 (Sáu triệu) đồng và đã nhận đủ số tiền này và không có thêm bất cứ yêu cầu bồi thường gì trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị H đã bồi thường cho ông Nguyễn Thế D số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng và bà H xác định do bà làm Quản lý tại khách sạn H nên việc mất xe này bà phải chịu trách nhiệm, tiền bồi thường là tiền của cá nhân bà nên bà H có đơn yêu cầu buộc bị cáo H phải trả lại cho bà số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Tại phiên tòa bị cáo H đồng ý bồi thường cho bà H số tiền trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xử lý vật chứng vụ án: 01 xe gắn Wave màu xanh-đen-bạc biển số 66B1-319.43 do ông Nguyễn Thế D đứng tên chủ sở hữu, ngày 28/9/2016 bị Trần Thị Thu H trộm cắp: Không thu hồi được nên không xét.

Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 51 và Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 29/2017/HSST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2016.

2. Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 28, Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày Cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền bị cáo H phải bồi thường, nếu bị cáo H chưa thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

3. Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2017), bị cáo H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Tp HCM;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu số án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Chí Hiếu